

Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2022

**ĐIỂM BÀI THU HOẠCH**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (Quảng Hòa)

Môn: Phần D.I. Quản lý hành chính nhà nước

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Hoàng Văn Khỏe	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Đàm Thị Bằng	6,50	Sáu phẩy năm	42	Bé Thị Kiều	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Bé	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nguyễn Thị Hoài Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Nguyễn Thị Biền	7,50	Bảy phẩy năm	44	Lục Thị Thúy Lâm	8,00	Tám
5	Nguyễn Đình Chính	7,00	Bảy	45	Nông Minh Lệ	7,50	Bảy phẩy năm
6	Bé Đặng Chính	8,00	Tám	46	Nông Thị Linh	7,00	Bảy
7	Phan Mạnh Cường	6,25	Sáu phẩy hai năm	47	Hứa Thị Loan	7,25	Bảy phẩy hai năm
8	Hà Thị Diệp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	48	Lý Thị Minh	7,00	Bảy
9	Nông Văn Đạt	5,00	Năm	49	Hoàng Thị Minh	7,50	Bảy phẩy năm
10	Bé Thị Diệp	7,00	Bảy	50	Triệu Quang Mốt	7,50	Bảy phẩy năm
11	Tô Văn Dự	7,00	Bảy	51	Vương Thị Na	8,00	Tám
12	Hoảng Văn Duẩn	6,75	Sáu phẩy bảy năm	52	Nông Văn Nam	6,50	Sáu phẩy năm
13	Đàm Thị Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Hoàng Thị Nga	8,00	Tám
14	Lương Văn Dưỡng	5,75	Năm phẩy bảy năm	54	Đàm Thị Thanh Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Phan Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	55	Đình Văn Nghĩa	6,75	Sáu phẩy bảy năm
16	Lý Thị Duyên	7,00	Bảy	56	Nguyễn Thị Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
17	Nông Văn Giang	8,00	Tám	57	Đình Thị Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
18	Triệu Thị Hạ	7,50	Bảy phẩy năm	58	Lục Thị Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Ngô Thị Lệ Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Đàm Thị Niêm	7,50	Bảy phẩy năm
20	Lý Thị Hằng	8,00	Tám	60	Lục Thị Kim Oanh	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Lã Thị Hạnh	5,50	Năm phẩy năm	61	Nguyễn Lệ Quyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Đình Thị Hậu	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Hoàng Thị Tắm	8,00	Tám
23	Ma Văn Hiến	7,50	Bảy phẩy năm	63	Đàm Hồng Tân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Nguyễn Thị Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	64	Đàm Văn Thắng	7,50	Bảy phẩy năm

lh

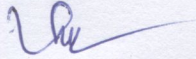
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
25	Lưu Diệu Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	65	Đinh Phương Thảo	6,50	Sáu phẩy năm
26	Lương Thị Hoa	6,00	Sáu	66	Mông Thị Thảo	8,00	Tám
27	Lục Thị Hoài	7,50	Bảy phẩy năm	67	Nông Bích Thu	7,50	Bảy phẩy năm
28	Nguyễn Thị Hoan	8,00	Tám	68	Triệu Minh Thủy	8,00	Tám
29	Hà Ngọc Hoàng	7,25	Bảy phẩy hai năm	69	Đàm Thị Thuyền	7,50	Bảy phẩy năm
30	Hà Thị Hồng	8,00	Tám	70	Bé Thị Tiêm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Phạm Thị Huân	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Nông Thị Tiến	7,25	Bảy phẩy hai năm
32	Nông Thị Huệ	7,00	Bảy	72	Đỗ Văn Tĩnh	7,50	Bảy phẩy năm
33	Mông Thị Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	73	Hoàng Thu Trang	8,00	Tám
34	Triệu Thị Thu Huệ	6,50	Sáu phẩy năm	74	La Thị Huyền Trang	8,00	Tám
35	Bé Thị Huệ	6,75	Sáu phẩy bảy năm	75	Đỗ Thu Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
36	Đinh Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Bé Văn Tư	7,50	Bảy phẩy năm
37	Ma Thúy Hường	8,00	Tám	77	Đàm Thúy Tuyên	8,00	Tám
38	Hoàng Quang Huy	8,00	Tám	78	Mã Thị Út	8,00	Tám
39	Hoàng Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	79	Ma Ngọc Vĩnh	7,50	Bảy phẩy năm
40	Lục Thị Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	80	Đàm Thị Vui	7,75	Bảy phẩy bảy năm

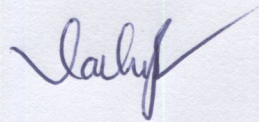
Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 5,75: 01 điểm; Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm;  
Điểm 6,50: 04 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 07 điểm; Điểm 7,25: 08 điểm; Điểm 7,50: 19 điểm;  
Điểm 7,75: 15 điểm; Điểm 8,00: 17 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM

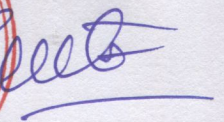
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG









Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Hoàng Việt Hưng